

# TỤC NGŨ, THƠ CA DÂN GIAN VIỆT NAM VỀ ĐẠO ĐỨC, ĐẶC TRƯNG BẢN CHẤT CỦA CON NGƯỜI CẦN ĐƯỢC QUAN TÂM GIÁO DỤC

LÊ HUY THỰC<sup>(\*)</sup>

*Tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam có nhiều triết lý, quan niệm nhấn mạnh đạo đức, đặc trưng bản chất của con người cần được quan tâm giáo dục. Ở đây hàm chứa không ít câu triết luận giáo dục con người cần có đức tính khiêm tốn, có tinh thần và việc làm vị tha, có lối sống chân thật, nghĩa tình, chung thủy, có sự đúng mực, biết giới hạn trong hành động để giữ gìn lương tâm và hướng thiện. Trong kho tàng sáng tác mang nhiều ý nghĩa này còn giáo dục đạo đức cho con người bằng cách mô tả những biểu tượng và tấm gương sáng, mẫu mực và phẩm chất đó.*

Tiếp cận kho tàng tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam thì một điều dễ nhận thấy là tác giả của di sản mang nhiều ý nghĩa này đã có quan niệm và nhấn mạnh *đạo đức, đặc trưng bản chất của con người cần được quan tâm giáo dục.*

Sự phản ánh thực tế đời sống, đúc kết kinh nghiệm và giáo dục con người trong tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam có thể khái quát ở một số điểm chính sau đây:

## **1. Giáo dục con người đức tính khiêm tốn**

Nhiều câu tục ngữ sau đây vừa là sự phản ánh thực tế đời sống, vừa là sự giáo dục con người *đức tính khiêm tốn.*

“Bảy mươi chưa đui chưa què, chớ khoe rằng tốt” (1, tr.28). Câu triết luận nhân sinh này khiến tất cả những ai có suy nghĩ về cuộc sống đều phải lưu tâm. Cho đến nay, xét trên phạm vi toàn thế giới, chứ không phải là của riêng một quốc gia, dân tộc nào thì thấy một người ở tuổi bảy mươi đã thuộc bậc sống lâu, từng trải. Ghi nhận thực tế và triết lý điều đó, người làm tục ngữ muốn khẳng định và giáo dục đức khiêm tốn cho các thế hệ hiện tại và tương lai của dân tộc ta. Theo câu triết luận này thì con người ta không nên chủ quan, tự mãn, tự đánh giá cao về mình, mà luôn phải thận trọng, khiêm tốn. Những câu tục ngữ, chẳng hạn “Ông bảy mươi học ông

<sup>(\*)</sup> Tạp chí Lý luận chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

## Tục ngữ, thơ ca ....

bảy mốt”, thí dụ khác “Học thầy không tày học bạn” (1, q.1, tr.128, 85), cùng chủ đề với câu trên, song chuyển tải một nội dung mới. Qua ít câu tục ngữ đó, chúng ta thấy dân tộc ta vốn có đức khiêm tốn đúng mức và đáng quý biết bao. Những vị cao niên người Việt Nam vẫn cảm thấy kiến thức của mình thiếu hụt, cần được bổ túc bằng phương thức học tập: người trẻ hơn (bảy mươi) học người già hơn (bảy mốt), người cao tuổi học người cao tuổi hơn. Lớp trẻ của chúng ta cũng thấy cần phải học tập không chỉ bằng một con đường, một phương thức. Đồng môn, đồng tuổi trẻ học thầy và còn không quên học tập lẫn nhau nữa. Câu tục ngữ “Con hơn cha là nhà có phúc” (1, q.1, tr.53) ngoài sự khái quát, diễn tả niềm vui, tự hào của bậc cha ông về sự thành đạt, tiến bộ của con cháu trong gia đình, dòng họ, còn hàm ý người lớn tuổi và người già nói chung phải có sự khiêm tốn, nên học tập thế hệ trẻ. “Hậu sinh khả ứ” (1, q.1, tr.84) là mệnh đề chứng tỏ tác giả tục ngữ Việt Nam cũng như cha ông ta rất quý trọng, khâm phục lớp trẻ khi thấy họ đã phát lộ tài năng. Tính khách quan của sự thể hiện nhận xét, ý tưởng trên lại cho ta rút ra được kết luận không hề võ đoán như sau: những bậc cha ông của dân tộc ta không chỉ ngợi ca, mà còn biết học tập ở lớp trẻ, lớp cháu con của mình. Như vậy, thông qua những nhận xét khái quát, mô tả về việc học tập lẫn nhau (người già học người già, già học trẻ, trẻ học thầy và học chúng bạn trẻ...) của những lớp người Việt Nam trong lịch sử, tác giả tục ngữ Việt Nam đã rất có ý thức giáo dục đức tính khiêm tốn cho các thế hệ hiện tại và tương lai của chúng ta.

Vẫn với mục đích giáo dục cho con

người đức tính khiêm tốn, tác giả tục ngữ Việt Nam còn diễn đạt triết lý của mình bằng nhiều câu triết luận: “Văng sao hôm có sao mai”, “Văng trăng có sao, văng dào có lý” (1, q.1, tr.164), v.v... Những câu tục ngữ này mang nhiều ý nghĩa, nhưng trong bài viết này, chúng tôi chỉ bàn về tính cảnh báo, giáo dục con người cần phải nhận thức được đúng vị trí, tác dụng của mình đến mức độ như thế nào trong xã hội, trước tập thể được hàm chứa trong đó. Theo đây thì mỗi con người cụ thể là nhỏ bé và đều có thể được thay thế bằng nhân vật khác, vì thế phải khiêm tốn, không ngộ nhận quá về vai trò quan trọng của mình. Trong cuộc sống đời thường có không ít người tỏ ra khác thường, cứ tự huyễn hoặc mình, cho mình là tài, là giỏi, người khác phải cần đến mình, văng mình thì ở một nơi nào đó sẽ thiếu hụt, mất mát, tổn thất lớn đến mức không thể bù đắp được. Ngộ nhận về khả năng tiềm ẩn trong con người mình như vậy, ai đó tất sẽ có hy vọng lớn. Hy vọng ấy không trên cơ sở hiện thực thì sớm muộn sẽ trở thành vô vọng và tan vỡ là lẽ đương nhiên. Mong rằng, những người chưa nhận thức được chính xác về vai trò quan trọng của mình hãy đọc và cảm nhận được những câu tục ngữ đã dẫn ở trên để có bước tiến bộ nhanh, khiêm tốn, đúng mức trong quan hệ xã hội.

## 2. Giáo dục tinh thần, tấm lòng và hành động vị tha

Trong kho tàng tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam có nhiều câu mang nội dung, ý nghĩa giáo dục về *tinh thần, tấm lòng và hành động vị tha* cho con người. Một biểu hiện của tinh thần và tấm lòng vị tha ấy là cứu giúp người

khác khi gặp khó khăn, hoạn nạn. Có cả một hệ câu tục ngữ Việt Nam về vấn đề này đã làm lay động nơi tâm hồn tất cả những người đọc có lương tâm: “Cứu nhất nhân đắc vạn phúc”, “Cứu được một người, phúc bằng hà sa”, “Dẫu xây chín bậc phù đồ, không bằng làm phúc cứu cho một người” (1, q.1, tr.62). Hai câu đầu, tác giả chỉ khẳng định mà không chứng minh và thực chất, đó là sự mô phỏng giáo lý của đạo Phật, nhưng dẫu sao, vẫn mang giá trị kêu gọi, tác động về mặt tinh thần, đạo đức tới người lãnh hội. Câu cuối (thứ ba) là sự diễn giải ngắn gọn nhưng sáng rõ ý tưởng của người làm tục ngữ Việt Nam. Theo tác giả thì xây chín bậc tháp thờ Phật (phù đồ) rất công phu, hết nhiều tiền của là việc làm tôn nghiêm, đáp ứng nhu cầu tâm linh của đông đảo phật tử, nhưng nó có phần xa rời cuộc đời hơn, không thiết thực bằng cứu giúp một con người cụ thể gặp nguy khốn. Và vẫn theo đây thì hành động vị tha, cứu giúp con người tồn tại hiện thực trên trần gian này lúc gặp khó khăn sẽ mang ý nghĩa rất lớn, hơn cả việc xây tháp thờ Phật. Cho nên, có thể nói, giáo dục tinh thần, tấm lòng và hành động vị tha, người làm tác phẩm nói trên đã khẳng định giá trị cao của con người. Đây cũng chính là một trong những khía cạnh cốt tử làm nên sức sống của tục ngữ Việt Nam.

Một biểu hiện khác nữa chứng tỏ tác giả tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam quan tâm giáo dục tinh thần, tấm lòng và hành động vị tha là kêu gọi, làm thức dậy tình yêu thương của những con người cùng nguồn cội. Có không ít câu tục ngữ, bài ca dao khi đọc lên đã làm xúc động và cảm hoá được nhiều

người. Câu tục ngữ sau đây mang tính chất ngụ ngôn, nói về loài vật để kêu gọi con người hãy yêu thương, không tranh giành với những người sinh ra từ một nguồn cội với mình: “Khôn ngoan đá đáp người ngoài, gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau” (1, q.1, tr.90). Bài ca dao “Nhiều điều phủ lấy giá gương / Người trong một nước phải thương nhau cùng / Bầu ơi thương lấy bí cùng / Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn” (2, tr.80) đã diễn đạt một cách có hình ảnh và màu sắc về tình yêu thương, đùm bọc lẫn nhau của những người có chung Tổ quốc, quê hương. Nhiều điều là thứ vải tơ, mặt nổi cát, màu đỏ hồng được phủ lên gương lồng trong khung đặt trên bàn thờ trang trọng. Nhiều điều che bụi bặm cho gương được trong. Gương trong sáng làm cho nhiều hồng thêm rực rỡ. Gương đặt trên giá. Gương thêm đẹp nhờ giá đỡ và nhiều phủ. Giá gương và nhiều điều tạo nên hình ảnh vừa đẹp, màu sắc tươi sáng, trong và gắn bó chặt chẽ với nhau, nương tựa vào nhau, bảo vệ cho nhau, làm tăng vẻ đẹp và giá trị của nhau nơi thờ phụng mang nhiều ý nghĩa đạo đức. Miêu tả nhiều điều phủ trên gương lồng trong giá như thế, tác giả bài dân ca liên tưởng, nhắc nhở, kêu gọi những người trong cùng một nước từ cùng một gốc mà ra thì phải thương yêu, đùm bọc nhau, tạo nên sự gắn kết bền chặt. Viết câu cuối bài ca dao trên (“Bầu ơi thương lấy bí cùng / Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”), một lần nữa, tác giả tỏ ra chú trọng giáo dục tấm lòng, ý thức vị tha trong những con người có cùng một nguồn cội. Bằng thủ pháp hoán dụ (“Bầu” thay cho một con người này, “bí” chỉ một cá nhân khác nào đó) tác giả giáo dục, kêu gọi tinh thần, tấm lòng và hành động vị tha

## Tục ngữ, thơ ca ....

của con người, bởi vì, như tác giả ca dao, dân ca lập luận: bầu, bí tuy có khác nhau nhưng đều có chung nguồn gốc (“một giàn”).

Còn có thể tìm thấy trong kho tàng tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam những câu triết luận nhằm giáo dục tinh thần, tấm lòng và hành động vì sự nghiệp chung của con người. “Trong vũ trụ nam nhi là phận sự / Đứng làm giai nấy chí kinh luân / Trên vì nước dưới vì dân / Nên nổi phải xuất thân mà gánh vác / Có sự nghiệp đứng cùng đất nước / Không công danh nát với cỏ cây”(1, q.2, tr.338). ở đây nhấn mạnh trách nhiệm, nghĩa vụ, lý tưởng chính trị xã hội của các chàng trai trẻ. Theo khúc hát dân ca này, những nam thanh niên của chúng ta cần phải tham gia hoạt động chính trị, đảm nhiệm những công việc trọng đại vì dân, vì nước, vì sự nghiệp chung để không phải hổ thẹn bởi không hoàn thành được nhiệm vụ có ý nghĩa lớn.

### 3. Giáo dục phẩm chất chân thật, nghĩa tình, chung thủy

Trong kho tàng văn học, văn học dân gian có khá nhiều câu tục ngữ, ca dao, dân ca mang nội dung giáo dục phẩm chất chân thật cho con người trong lao động cũng như trong đời sống xã hội nói chung: “Ăn mặn nói ngay, hơn ăn chay nói dối”, “Ăn ngay nói thật, mọi tật mọi lành”, “Tu thân rồi mới tề gia, lòng ngay nói thật gian tà mặc ai”, “Của phi nghĩa có giàu đâu / ở cho ngay thật, giàu sau mới bền” (1, q.2, tr.135), v.v... Đó là những triết lý về giáo dục cách nói, ăn ở cần phải chân thật của con người được phản ánh, khái quát trong tác phẩm tục ngữ, ca dao Việt Nam. Tác phẩm, dân ca của chúng ta chứa đựng

nhiều câu mang nội dung, ý nghĩa giáo dục. “Chúng tôi chẻ nứa đan dần / Nói thật người gần, nói dối người xa” (1, q.2, tr.135) là câu ca dao khẳng định giá trị của nói thật và phủ định cách nói dối ra đời từ nhận xét và đúc kết trong lao động và cuộc sống xã hội. Trong câu dân ca Thanh Hoá này “Đã thề phải giữ lời thề / Đừng như con khách tứ bề hót vang” (1, tr. 584) thì phần đầu là lời nhắc nhở, giáo dục con người phải chú ý, chân thật trong nói năng, thề nguyện; còn phần sau là sự cảnh báo, ngăn chặn con người đừng quên lời thề để rồi muốn nói đông, tây, nam, bắc như thế nào cũng được. Suy ngẫm những triết lý dân gian trên về giáo dục con người cần phải nói năng, phát ngôn chân thật và có trách nhiệm với lời nói, điều đã thề, lời đã hứa, chúng ta thấy, nói thật không khó mà lại được nhiều người quý mến, thân cận, còn nếu dễ quên đi những gì mình đã thề thốt và tha hồ nói năng tùy tiện, dối trá thì dễ đánh mất đi niềm tin nơi quần chúng.

Nhiều tác giả ca dao, dân ca Việt Nam đã có ý thức nhấn mạnh, giáo dục phẩm chất chân thật trong quan hệ tình yêu nam nữ. Theo họ, cả hai giới trẻ đều phải thẳng thắn, chân thật trong quan hệ tình yêu đôi lứa. Câu ca dao “Anh thương em, nói thiệt em nhờ / Anh đừng nói gạt, em chờ hết duyên” (1, q.1, tr.181) là lời của một cô gái cầu mong và đòi hỏi ở người yêu của mình không phải tiền của nhiều, địa vị cao sang, mà là sự chân thật cùng với việc loại bỏ cái dối lập với đức tính quý báu đó. Bài dân ca sau đây được hát nhiều ở xứ Nghệ, Nam Trung bộ và Bình Trị Thiên “Đã thương thì thương cho chắc / Đã trọc trọc thì trọc trọc cho luôn / Đừng như con thỏ đứng đầu truông /

Khi vui thì giỡn bóng khi buồn thì bỏ đi” (1, q.2, tr. 658) đã để lại ấn tượng sâu sắc về cả ý và lời trong tâm trí độc giả, người nghe. Tại đây, tác giả diễn đạt rất rõ ý tưởng, nội dung: phải chân thật, thẳng thắn trong tình yêu nam nữ. Không chỉ phải đẹp có nhu cầu, đòi hỏi phẩm chất đang bàn luận tại đây trong tình yêu đôi lứa, mà ngay cả những chàng trai cũng bộc lộ điều đó. Nhận xét này có thể được làm sáng tỏ bằng đoạn ca dao Việt Nam sau: “Anh đây thật khó không giàu / Có lời nói trước kéo sau phàn nàn / Khó khăn ta kiếm ta ăn / Giàu người của ván ngõ ngăn mặc người / Khó khăn đắp đổi lần hồi / Giàu người đã dễ đứng ngồi mà ăn” (1, q.1, tr.214). Thông qua việc xây dựng nhân vật trữ tình nam thanh niên, tác giả bài ca dao đã nêu lên, mô tả một tấm gương để giáo dục con người nói chung, lớp trẻ nói riêng phải chân thành, nói đúng sự thật, cho dù sự thật đó là điều chúng ta không hằng mong muốn.

Sống có nhân nghĩa là một chủ đề, một phẩm chất đạo đức được bàn luận khá nhiều lần để có tác dụng giáo dục con người trong các tác phẩm tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam. “Thiên trường địa cửu lâu dài / Chàng về có nhớ nghĩa người hay không ?” (1, q.1, tr.661). Đây là câu ca dao có hình thức thể hiện dưới dạng một câu hỏi của người con gái, thực chất là để khẳng định, giáo dục con người cần có nhân nghĩa, tức là lòng yêu thương và đối xử với con người theo lẽ phải. Khúc ca dao sau ghi lại lời của một chàng trai nói mình không quên tình nghĩa, đồng thời nhắn gửi, nhắc nhở người yêu cũng sống và hành động như thế nào để không đánh mất phẩm chất đạo đức đó: “Gọi là gặp gỡ giữa

đường / Trăm năm nhớ mãi nghĩa nường nường ơi ! / Nường đừng bướm lả ong lơ / Tham phường lả của, phụ người khó khăn” (1, q.1, tr.449). Khi làm lời bài dân ca “Chàng ơi thiếp có lỗi lầm / Xin chàng đóng cửa âm thầm dạy nhau” (1, q.2, tr. 683), nghệ sĩ - tác giả bình dân của chúng ta không phải là vô hình trung, mà rất có ý thức khẳng định phẩm chất nghĩa tình cùng với tấm lòng độ lượng, bao dung của con người sẽ có tác dụng tích cực, cải hoá và làm cho thực tại cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn. Tính giáo dục đạo đức rõ ràng là đã hàm chứa trong bài dân ca đó. Trong cuộc sống xã hội và của nhiều gia đình, có khi chỉ vì lỗi lầm chẳng mấy hệ trọng, nhưng bởi còn thiếu, hoặc chưa chú trọng đúng mức cách sống có nghĩa tình sâu nặng, nên đã dẫn đến những cuộc chia tay, sự đổ vỡ của không ít cặp vợ chồng để lại hậu quả không dễ khắc phục, thậm chí không thể lấy gì bù đắp lại được trong suốt phần cuộc đời còn lại của ai đó là hiện thân của tấn bi kịch do chính mình là tác giả. Nếu đã từng tai nghe, mắt thấy nhiều thực tế cuộc sống rất phũ phàng, thì chắc hẳn không một người nào sống nội tâm, có lòng thương yêu lại không suy nghĩ và được cảm hoá bởi tính chất giáo dục phẩm chất đạo đức sống có nhân nghĩa trong câu dân ca trên.

Giáo dục phẩm chất đạo đức chung thủy, nhiều tác giả dân ca Thanh Hoá, dân ca Bình Trị Thiên đã nhắc nhở những phụ nữ Việt Nam phải cảnh giác với những tác động từ ngoại cảnh và không đi theo dấu chân của ai đó đã trở thành tấm gương phản diện: “Có chồng thủ phận thủ duyên / Trăm con bướm đậu của quyền xin lui” (1, q.1, tr.847). ở đây, người làm lời bài dân ca khuyên

## Tục ngữ, thơ ca ....

bảo người phụ nữ trẻ có chồng hãy bằng lòng với chức vị duyên phận của mình, không nên đòi hỏi gì hơn và còn phải biết khước từ những cám dỗ, hấp dẫn bằng tiền tài, địa vị, quyền lực, v.v... “Đá vàng đây giữ một màu / Lòng son xin đỏ lâu lâu chớ phai / Đừng như cô gái Chương Đài / Trớ trêu bẻ liễu tặng ai vội vàng” (1, q.1, tr.584). Trong dân gian, trong vốn từ tiếng Việt, hai chữ “đá vàng” được dùng để nói lên tấm lòng trung thành, thủy chung, tình yêu bền vững của người vợ dành tất cả cho chồng. Câu đầu trong khúc dân ca trên diễn đạt nội dung ấy. Câu sau là cách nói vừa có hình ảnh, vừa có màu sắc (viên “son” màu “đỏ”) và hai từ mệnh lệnh thức (“chớ phai”) tác giả dân gian Việt Nam muốn lưu ý, giáo dục chị em phụ nữ của chúng ta phải có tấm lòng, đạo đức thủy chung, trước sau như một.

### 4. Giáo dục đạo đức cho con người bằng chỉ dẫn cách hành động đúng mức

Một trong những giá trị đạo đức của tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam là khuyên nhủ, chỉ giáo con người tránh làm những điều xã hội và lương tâm không cho phép. Khúc ca dao “Cơm trắng nhưng gạo người ta / Cỗ bày sẵn đấy nhưng đà có nơi / Ăn sao cho được mà mời / Thương sao cho được vợ người mà thương” (1, q.1, tr.341) được ngâm vịnh, hát xướng ở nhiều vùng, miền của Việt Nam, vừa như nhắn bảo tâm tình, vừa như lời cảnh báo những chàng trai đa tình không được có hành động tham lam trong lĩnh vực tình cảm, điều mà luật pháp (của chế độ hôn nhân tiến bộ một vợ một chồng) đã nghiêm cấm. ở đấy, tác giả dân gian Việt Nam đã khéo kết hợp nhiều phương thức giáo dục đạo đức trong một đoạn ca dao ngắn: phân

tích, diễn giải một cách luận lý, chứ không khẳng định võ đoán, đồng thời có lời lẽ dứt khoát, kiên quyết.

Trong kho tàng tục ngữ Việt Nam còn có cả một hệ câu mang ý nghĩa giáo dục đạo đức bằng cách chỉ dẫn, cảnh báo con người phải biết tự giới hạn mình trong hành động, không làm điều mà lương tâm của nhân loại không cho phép. Xin trích ra đây một số, chứ không phải là tất cả, câu như thế: “Hổ dữ chẳng cắn con”, “Chó dữ chẳng cắn con”, “Cọp dữ không ăn thịt con”, “Hổ chẳng nở ăn thịt con”, “Hùm dữ chẳng nở ăn thịt con” (4, tr.452). Diễn tả dưới hình thức ngụ ngôn và dùng thủ pháp ẩn dụ, tác giả những câu tục ngữ này cốt chuyển tải được nhiều thông tin đến người tiếp cận chúng nhằm giáo huấn về mặt đạo đức cho con người phải biết cách hành động, tự giới hạn mình trong hành động.

Trong cuộc sống hiện thực, đời thường, có không ít trường hợp vì hoàn cảnh cùng khốn khiến người ta phải hành động một cách bất đắc dĩ như ăn trộm, đánh cắp của công, của người khác, v.v... Sau những việc làm phương hại nhiều đến phẩm chất đạo đức đó, dư luận xã hội tất có những phẩm bình khác nhau: có cả sự cảm thông, châm chước, có cả sự kết án nặng nề. Câu triết luận “Đói cho sạch, rách cho thơm” (4, tr.70) trong kho tàng tục ngữ Việt Nam mang tính nhân văn sâu sắc. Nó không bênh vực, bào chữa cho hành động sai trái (cho dù vì hoàn cảnh buộc phải có hành động đó) đến mức thái quá. Nó cũng không luận tội hành động cực chẳng đã của kẻ nghèo đói một cách phũ phàng. Nó giáo huấn một cách nhẹ nhàng, làm thức dậy lương tâm của con

người: dù nghèo đói cũng phải sống, hành động lành mạnh, không được làm những việc xấu xa, như nhóp gậy tổn thất về phẩm chất đạo đức.

“Cắt dây bầu dây bí, ai nõ cắt dây chị dây em” (1, q.1, tr.35), “Dứt dây ai nõ dứt chôi” (4, tr.274), v.v. là những câu tục ngữ Việt Nam thuộc loại triết lý, có nội dung, ý nghĩa rộng lớn và vượt ra khỏi hình thức ngôn ngữ thể hiện nó. Qua đấy, tác giả dân gian của chúng ta đã lưu ý điều này: trong hành động, con người phải chú ý để không tổn hại đến tình cảm giữa anh, chị em, để không triệt bỏ người nối dõi tông đường, v.v... của kẻ khác, tức là không làm tiếp, làm thêm những gì mà lương tâm của mỗi cá nhân nói riêng, của loài người nói chung, không cho phép. Đọc những câu trên, người viết có cảm nhận và lãnh hội được rằng, cha ông ta, dân tộc ta trong hành động, việc làm của mình đã tỏ ra rất coi trọng, chú ý để không đánh mất đi phẩm chất đạo đức. Di sản tinh thần này, thiết tưởng cần được các thế hệ hiện tại và tương lai giữ gìn, phát huy.

Về chỉ dẫn cách hành động cho con người, trong tục ngữ Việt Nam còn có nhiều câu triết luận rất đáng được suy nghĩ, tìm hiểu. Theo tác giả kho tàng văn học là đối tượng khảo sát ở đây thì con người không nên đi đến thái cực, mà cần phải có một độ, phải đúng mức trong công việc, trong hành động. “Càng thắm thì càng chóng phai, thoang thoang hoa nhài càng được thơm lâu” (1, q.1, tr.94). Tác giả câu tục ngữ đang bàn chỉ dẫn một vấn đề có ý nghĩa thực tiễn - đạo đức: hành động nói riêng và ứng xử của con người nói chung chỉ nên vừa phải (đúng mực, có hạn mức) thôi.

Để giáo dục đạo đức thông qua chỉ dẫn cách hành động đúng mức, tác giả tục ngữ Việt Nam còn nói nhiều điểm rất cụ thể, chẳng hạn, phải biết làm những công việc và ứng xử sao cho phù hợp với đối tác. Những câu sau đây lột tả quan niệm đó: “Ăn lãi tùy chốn, bán vốn tùy nơi”, “Đi với Phật mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy”, “Đến với ma phải quý quyết, đến với Phật phải từ bi” (1, q.1, tr.26). Qua những triết lý này chúng ta thấy những tác giả của nó rất chú trọng, quan tâm đến đối tác trong hành động. Trong thực tế, có không ít trường hợp, vì đồng tiền, lãi suất, lợi lộc mà người ta đã có việc làm quên đi tình nghĩa, thậm chí xử tệ với cả những người đáng yêu kính; ngược lại, có khi thấy một thái độ quá tử tế dành cho kẻ không đáng được nhận phần như thế. Những câu tục ngữ nói trên đã, đang và còn là phương châm hành động, ứng xử của nhiều người, và cũng vì thế, sẽ giúp ích được cho không ít ai đó tự đính chính những việc làm sai lầm hoặc chưa hẳn là đúng của mình.

#### **5. Giáo dục đạo đức cho con người bằng mô tả biểu tượng và hành vi gương mẫu về phẩm chất đó để cho mọi người học tập, noi theo**

Bài ca dao về bông sen sau đây là một thi phẩm vào loại hay nhất trong kho tàng ca dao Việt Nam: “Trong đầm gì đẹp bằng sen / Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng / Nhị vàng, bông trắng lá xanh / Gân bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn” (3, tr.64). Toàn bài ca dao đó chỉ ngắn gọn có thế. Nó hay, đẹp cả ý và lời. Nó vừa là bức tranh được miêu tả rất chi tiết, tỉ mỉ (về lá, bông, nhị, đầm nước, bùn trong đầm, v.v...), vừa rất khái quát, mang ý nghĩa tượng trưng, chủ yếu cho giá trị tinh thần, đạo

### Tục ngữ, thơ ca ....

đức thanh cao của con người. Sen mọc trong hồ, đầm, ao - những nơi có nước và bùn. Sen mọc từ bùn lầy tanh hôi, nhô lên khỏi mặt nước, vươn cành, lá, trổ hoa, lá sen màu xanh êm dịu, bông sen màu trắng, có thú màu vàng, đỏ cùng với nhị sen màu vàng rực rỡ toả hương thơm mát. Màu sắc đẹp, hương thơm của bông sen được người ta chú ý, nâng niu, trân trọng vì nó sống trong môi trường tanh hôi, nhơ bẩn mà vẫn không chịu ảnh hưởng một chút nào của môi trường này. Xưa nay, bông sen vẫn được coi là hình ảnh tượng trưng của vẻ đẹp trí tuệ, tâm hồn, đặc biệt là phẩm chất đạo đức của con người. Miêu tả bông sen với đầy đủ những tố chất cơ bản của nó như dẫn giải ở trên, tác giả ca dao Việt Nam có ý thức nêu lên một biểu tượng để cho con người theo đó mà học tập và trau dồi về phẩm chất đạo đức của mình, mong sao mỗi người

dù trong hoàn cảnh, điều kiện không thuận vẫn không chịu ảnh hưởng xấu và trở nên tốt đẹp, trong sáng như cây sen, bông sen từ trong vũng bùn hôi tanh vẫn vươn lên, khoe sắc màu rực rỡ, toả hương thơm ngát.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam (tập IV, quyển 1, quyển 2).- H.: Giáo dục.- 2001.
2. Bình giảng thơ ca truyện dân gian/ Vũ Ngọc Khánh.- H.: Giáo dục.- 2001.
3. Bình giảng ca dao/ Hoàng Tiến Tựu.- H.: Giáo dục.- H.-2001.
4. Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam/ Vũ Dung, Vũ Thuý Anh, Vũ Quang Hào.- H.: Văn hoá.- 1995.